

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2023

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp thu hút	12	071	6103	00000	0	0	156.450.000	341.750.000	156.450.000	341.750.000
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	12	071	6116	00000	0	0	191.609.906	386.164.798	191.609.906	386.164.798
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	677.912.748	1.353.302.333	677.912.748	1.353.302.333
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	112.075.200	224.503.600	112.075.200	224.503.600
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	9.834.000	19.668.000	9.834.000	19.668.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	071	6105	00000	0	0	43.345.889	105.566.956	43.345.889	105.566.956
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	242.792.147	488.833.238	242.792.147	488.833.238
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	447.000	894.000	447.000	894.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	101.340.708	198.386.259	101.340.708	198.386.259
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	160.547.285	318.057.823	160.547.285	318.057.823
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	27.522.390	54.524.194	27.522.390	54.524.194
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	18.348.260	36.349.470	18.348.260	36.349.470
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	9.174.130	18.174.735	9.174.130	18.174.735
Chi khác	13	071	6449	00000	0	0	0	97.200.000	0	97.200.000
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	53.889.349	97.707.963	53.889.349	97.707.963
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	672.750	1.749.150	672.750	1.749.150

Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	3.753.750	7.507.500	3.753.750	7.507.500
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	4.664.000	4.664.000	4.664.000	4.664.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	071	6601	00000	0	0	200.065	364.236	200.065	364.236
Khoản điện thoại	13	071	6618	00000	0	0	2.700.000	5.400.000	2.700.000	5.400.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	8.400.000	16.800.000	8.400.000	16.800.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	51.972.000	103.944.000	51.972.000	103.944.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	071	7053	00000	0	0	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000
Chi khác	14	071	6449	00000	0	0	1.188.729.303	1.188.729.303	1.188.729.303	1.188.729.303
Cộng:					0	0	3.070.430.880	5.074.291.558	3.070.430.880	5.074.291.558
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC		ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH	
Ngày 3 tháng 7 năm 2023		Ngày 3 tháng 7 năm 2023	
Kế toán	Kế toán trưởng	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)		(Ký tên, đóng dấu)	
Nguyễn Thị Kim Hà	Người ký: Diep Nguyen Van 01 Ngày ký: 03/07/2023 14:23:42 Chức danh: Kế toán trưởng Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh	Huỳnh Thị Thanh Nga	Người ký: Huỳnh Thị Diễm Ngày ký: 03/07/2023 07:58:40 Đơn vị: Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2
Diep Nguyen Van 01		Huỳnh Thị Diễm	